

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23-12-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Kim Dũng

Bà Tạ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn T Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 108/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 373/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Huyền T; nơi ĐKKHKT: Tổ 6, phường Hưng Đạo, quận D, thành phố H, chỗ ở hiện tại: Tổ 4, phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T; nơi cư trú: Tổ 6, phường Hưng Đạo, quận D, thành phố H - Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an H; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Đỗ Huyền T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 04 năm 2010 tại UBND xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố H. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2012 thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ngoại tình, tính cách hai vợ chồng không còn phù hợp. Hiện tại anh T vi phạm pháp luật đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an thành phố H. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 23-12-2011 và cháu Phạm Anh T, sinh ngày 22-9-2017. Khi ly hôn chị đề nghị nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện nộp cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn T trình bày: Việc kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng. Hiện tại anh đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an thành phố H. Nay chị T đề nghị ly hôn anh cũng đồng ý và đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Anh đồng ý để chị T nuôi cả hai con chung; vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hai bên sẽ tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh T đang chấp hành án và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, chị T vẫn đề nghị ly hôn, do đó Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử. Trước khi mở phiên tòa, chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị T được ly hôn anh T và giao hai con chung là cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 23-12-2011 và cháu Phạm Anh T, sinh ngày 22-9-2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Huyền T và anh Phạm Văn T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố H năm 2010; theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Đỗ Huyền T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết việc ly hôn, anh Phạm Văn T có địa chỉ tại phường Hưng Đạo, quận D, thành phố H, nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố H. Tại phiên tòa, cả chị T và anh T đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt cả hai bên theo quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân:

[2] Chị Đỗ Huyền T và anh Phạm Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại, chị T đã về nhà mẹ đẻ sống. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ qua lời khai của gia đình, chính quyền địa phương xác định: Chị T và anh T có xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại, anh T đang chấp hành án, chị T đã về nhà mẹ đẻ sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, song anh T đang chấp hành án nên không tiến hành hòa giải được. Chị T vẫn giữ quan điểm ly hôn anh T do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, đủ cơ sở xác định hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị T về việc ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[3] Chị T và anh T có 02 con chung là cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 23-12-2011 và cháu Phạm Anh T, sinh ngày 22-9-2017, khi ly hôn chị T đề nghị nuôi cả hai

con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại anh T đang thi hành án; chị T yêu cầu nuôi cả hai con chung, anh T cũng đồng ý. Do đó, yêu cầu của chị T là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị T chưa có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi chị có yêu cầu.

- Về tài sản chung:

[4] Chị T và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[5] Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[6] Chị T và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Huyền T được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Huyền T trực tiếp nuôi hai con chung là Phạm Khánh L, sinh ngày 23-12-2011 và cháu Phạm Anh T, sinh ngày 22-9-2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Phạm Văn T cho đến khi chị T có yêu cầu.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Tạm hoãn việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng cho đến khi anh T và chị T có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đỗ Huyền T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0003521 ngày 12/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố H. Chị Đỗ Huyền T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Huyền T và anh Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận D;
- VKSND TP H;
- Tòa án nhân dân TP H;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, tp H (ĐKKH số 37 - Q01/2010);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Trung